

Bản án số: 48/2023/HSST

Ngày: 22/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tùng Châu

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2023/TLST-HS, ngày 20 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HS, ngày 10 tháng 5 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: Đặng Thị L, sinh năm 1958; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú số H, đường H, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Tài T và bà Nguyễn Thị T; bị cáo có chồng và 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 20/11/1978, bị Công an Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”. Ngày 29/6/1979, bị Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”. Ngày 07/5/1986, bị Công an tỉnh An Giang lập DCB số 10236 về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”. Ngày 07/4/1993, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”. Ngày 05/5/1994, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 30 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của

công dân” (có tổng hợp hình phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo của bản án số: 109/HSPT, ngày 07/4/1993 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày **05/8/1996**, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 36 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”. Ngày **06/01/2000**, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” và 06 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt chung là 08 năm tù theo bản án số: 349/HSST. Ngày **16/01/2008**, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số: 05/HSST. Ngày **18/8/2015**, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số: 491/2015/HSPT, ngày 18/8/2015. Ngày **07/6/2018**, bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số: 51/2018/HSST, ngày 07/6/2018. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/02/2023 đến nay. (có mặt)

* *Bị hại*: Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1974; địa chỉ ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (xin vắng mặt)

* *Người làm chứng*: Đoàn Thị Thanh T, sinh năm 2004; địa chỉ ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Thị L là đối tượng sống lang thang không nghề nghiệp ổn định, đã bị xét xử nhiều lần về hành vi chiếm đoạt tài sản. Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 19/02/2023, L đi bộ đến tiệm vàng Hưng Long tại địa chỉ số B, đường H, Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, sau khi quan sát thấy tiệm có nhiều khách ra vào mua bán vàng nên nảy sinh ý định tìm cách chiếm đoạt tài sản; L đi vào bên trong tiệm thì phát hiện bà Nguyễn Ngọc C đang có nhu cầu mua vàng và mang theo nhiều tiền nên L đi lại gần để tìm sơ hở. Lúc này nhân viên tiệm vàng là chị Đoàn Thị Thanh T thông báo cho bà C số tiền phải trả là 22.400.000đ, ngay lập tức L nảy sinh thủ đoạn giả làm nhân viên của tiệm vàng để chiếm đoạt số tiền trên bằng cách nhắc lại lời của nhân viên T; bà C nghe L nói “22.400.000đ” thì nghĩ rằng L cũng là nhân viên tiệm vàng như chị T, đồng thời L cũng hỏi nhân viên tên T là “22.400.000đ phải không?” làm cho chị T nghĩ rằng L là người đi chung với bà C nên T trả lời “đúng rồi”. Sau đó bà C lại ngồi trên ghế ở giữa tiệm để đếm tiền thì L cũng lại gần, bà C vừa đếm tiền vừa đưa cho L đến khi đủ 22.400.000đ thì L kêu bà C ngồi đợi để L đi ghi phiếu.

Khi đã cầm được số tiền 22.400.000đ trong tay thì L tìm cách rời khỏi tiệm vàng nhưng do lúc này bà C cứ quan sát L nên L không thể tẩu thoát được; lúc này bà C lại gần chị T để nói chuyện thì L cũng đứng xen giữa và yêu cầu bà C về vị trí ghế ngồi đợi ghi phiếu tính tiền và quay sang yêu cầu chị T ghi phiếu tính tiền. Trong lúc bà C ngồi đợi trên ghế và chị T lo ghi phiếu thì L bỏ đi ra khỏi tiệm vàng hướng về trung tâm chợ Vĩnh Long, thấy L đã rời khỏi tiệm mà không viết phiếu tính tiền cho mình nên bà C lại hỏi chị T rằng “*L có phải là nhân viên hay chủ tiệm vàng không?*” thì chị T mới hiểu sự việc và truy hô cho bà C cùng người dân đuổi theo bắt giữ L cùng toàn bộ số tiền.

Quá trình điều tra, Đặng Thị L khai nhận tên giả là Nguyễn Thị Hồng, không có nơi cư trú rõ ràng nên Cơ quan điều tra tiến hành thu thập danh chỉ bản, dấu vân tay để tra cứu thông tin cá nhân và xác định tên thật là Đặng Thị L, lúc này L mới thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Đối với bị hại Nguyễn Ngọc C trình bày khi đến tiệm vàng để mua vàng làm đám cưới thì L đứng bên cạnh nhân viên tiệm vàng và nói những lời như là nhân viên tiệm vàng nên bà C nghĩ L cũng là nhân viên của tiệm hoặc chủ tiệm, lúc bà C đếm tiền thì L đứng bên cạnh chờ nhận tiền, sau khi nhận được tiền bà C ngồi đợi L đi viết phiếu nhưng L bỏ ra ngoài nên bà C hỏi nhân viên thì được biết L không phải là nhân viên của cửa tiệm nên nhờ người dân đuổi theo bắt giữ.

Tại cáo trạng số: 41/CT-VKSND-TPVL, ngày 20/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Đặng Thị L về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm và khẳng định nội dung cáo trạng truy tố bị cáo Đặng Thị L là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Bị cáo Đặng Thị L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị phạt bị cáo mức án tù 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đặng Thị L.

Bị cáo Đặng Thị L thừa nhận các lời khai trong quá trình điều tra là do bị cáo tự khai và khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đã nêu; thống nhất quan điểm luận tội của Kiểm sát viên; bị cáo đã thấy được lỗi của mình, hứa không tái phạm và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo là người cao tuổi, có nhiều bệnh trong người; sau khi phạm tội bị cáo rất ăn năn hối cải, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố Vĩnh Long, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời trình bày và khai nhận tội của bị cáo Đặng Thị L tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, lời khai của người bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 19/02/2023, bị cáo L đi bộ đến tiệm vàng Hưng Long tại số B, đường H, Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long mục đích là tìm người sơ hở để chiếm đoạt tài sản; sau khi quan sát bị cáo thấy có bà Nguyễn Ngọc C đang thỏa thuận giao dịch mua vàng, đồng thời nghe nhân viên tiệm vàng thông báo cho bà C phải thanh toán số tiền 22.400.000đ nên bị cáo L nảy sinh ý định và thực hiện thủ đoạn gian dối bằng cách đưa ra những câu nói làm cho bà C nhầm tưởng bị cáo là nhân viên hoặc chủ tiệm vàng để bà C tự nguyện giao số tiền 22.400.000đ; còn nhân viên tiệm vàng thì nhầm tưởng bị cáo là khách đi cùng với bị hại nên không nghi ngờ. Sau khi chiếm đoạt được số tiền 22.400.000đ thì bị cáo tìm cách tẩu thoát nhưng bị phát hiện bắt quả tang.

Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội danh và hình phạt của bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đã đề nghị truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người bị hại; hành vi của bị cáo còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang, bức xúc trong quần chúng nhân dân, bị xã hội lên án và pháp luật nghiêm cấm. Bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đã nhận thức được hành vi mà mình thực hiện là sai trái, vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thực hiện với quyết tâm cao, nhằm mong muốn có được tiền tiêu xài cá nhân. Hơn nữa, bị cáo có nhiều tiền án về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Trộm cắp tài sản*”, mặc dù đã được xóa án tích nhưng bị cáo không thấy ăn năn, hối cải mà tiếp tục phạm tội mới. Điều đó nói lên sự xem thường pháp luật của bị cáo, do đó cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo thì mới có tác dụng răn đe, giáo dục cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét thấy mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Nhưng trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Cho nên, có đủ cơ sở cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cần giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, nhưng cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định cho bị cáo học tập, cải tạo để sửa chữa trở thành người có ích cho xã hội sau này.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Do đó, việc bị hại vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị hại.

[6] Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đặng Thị L, do bị cáo là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Thị L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Đặng Thị L 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt là 19/02/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét giải quyết.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đặng Thị L.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Bị cáo, bị hại; (02 bản)
- Trại giam Công an TPVL; (01 bản)
- Tòa án Tỉnh; (01 bản)
- Viện kiểm sát ND tỉnh VL; (01 bản)
- Công an thành phố Vĩnh Long; (01 bản)
- Viện kiểm sát ND TPVL; (01 bản)
- Chi cục Thi hành án DS TPVL; (01 bản)
- Cơ quan THA HS Công an TPVL; (01 bản)
- Sở Tư pháp Vĩnh Long; (01 bản)
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh VL; (01 bản)
- UBND phường 11, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; (01 bản để thông báo)
- Lưu: Hồ sơ vụ án. (01 bản)

Võ Tấn Thành